TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN H** **THÀNH PHỐ M**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2023/KDTM-ST
Ngày: 14 - 4 - 2023
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, THÀNH PHỐ M

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Oanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Tịnh Tâm

2. Bà Nguyễn Thị Kim Liên

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Như Oanh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, Thành phố M.

Trong các ngày 10 tháng 4 năm 2023 và ngày 14 tháng 4 năm 2023 tại Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 49/2022/TLST - KDTM ngày 11 tháng 10 năm 2022 về: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 70/2023/QĐXXST-KDTM ngày 16 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần T (S)

Địa chỉ trụ sở: 266 – 268 N, phường V, Quận X, Thành phố M.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:

Bà Nguyễn Đức Th. D, Chức vụ: Tổng giám đốc, là người đại diện theo pháp luật.

Bà Nguyễn Đức Th. D ủy quyền cho ông Phan Tấn L (Chức vụ: Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Thương mại cổ phần T – Chi nhánh Quận 12)

Ông Phan Tấn L ủy quyền lại cho ông Nguyễn Trọng A, sinh năm 1992

(Giấy ủy quyền số 501/2022/GUQ-CNQ12 ngày 30/12/2022)

Địa chỉ liên lạc: 38 C, phường Y, Quận 12, Thành phố M.

(ông A có mặt).

2. Bị đơn: Ông Trần N. Q, sinh năm 1986 – Chủ hộ kinh doanh Trần N. Q

Địa chỉ: 12/2 Khu phố Z, thị trấn H1, huyện H, Thành phố M.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Trần Văn T, sinh năm 1981, là người đại diện theo ủy quyền.

(Giấy ủy quyền ngày 15/11/2022 tại Văn phòng Công chứng Lý Thị Như Hòa)

Địa chỉ: 12/2 Khu phố Z, thị trấn H1, huyện H, Thành phố M.

(ông Q và ông T có mặt).

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ban Quản lý chợ H2.

Địa chỉ: Số 01, Đường V, Khu phố 5, thị trấn H1, huyện H, Thành phố M;

Người đại diện hợp pháp: Bà Trần Thị Yến Ngọc, sinh năm 1971, là người đại diện theo ủy quyền.

Địa chỉ: Số 01, Đường V, Khu phố 5, Thị trấn H1, huyện H, Thành phố M.

(Bà G có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 20/8/2019, ông Trần N. Q đã ký Hợp đồng tín dụng số 00566-01054 vay tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần T – Chi nhánh Quận 12: số tiền vay là 200.000.000 đồng, mục đích vay để bổ sung vốn kinh doanh; thời hạn vay là 12 tháng; phương thức thanh toán: vốn, lãi trả định kỳ hàng ngày; lãi tính theo dư nợ ban đầu, để đảm bảo cho khoản vay ông Q đã thế chấp tài sản là sạp chợ số C3, nhà lồng 2, chợ H2. Từ ngày 02/3/2020, ông Q đã không tiếp tục thanh toán nợ vay cho Ngân hàng. Qua nhiều lần làm việc, ông Q vẫn không thực hiện việc trả nợ. Do đó, ngày 30/4/2020, Ngân hàng đã chuyển toàn bộ số nợ vay còn thiếu sang nợ quá hạn.

Căn cứ Hợp đồng liên kết (chợ H2) số 708/2018/HĐLK ngày 26/7/2018 ký kết giữa Ngân hàng và Ban Quản lý chợ H2 về việc áp dụng đối với vay tiểu thương chợ, tại điểm b khoản 3 Điều 1 nêu: "Trường hợp tiểu thương chậm thanh toán nợ vay quá 20 ngày, bên B tiến hành thu hồi điểm kinh doanh và phối hợp với bên A chuyển nhượng sạp để trả đầy đủ nợ gốc, lãi, chi phí liên quan theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng ký kết giữa tiểu thương với bên A". Do đó, Ngân hàng đề nghị Tòa án triệu tập Ban Quản lý chợ H2 về việc tiến hành thu hồi điểm kinh doanh và phối hợp Ngân hàng chuyển nhượng sạp để trả đầy đủ khoản nợ còn chưa thanh toán theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng ký kết giữa Ngân hàng và ông Q.

Ngân hàng yêu cầu ông Trần N. Q phải trả ngay cho Ngân hàng tổng số tiền gốc và lãi tạm tính đến 17/02/2023 là 121.535.465 đồng và ông Q phải trả cho Ngân hàng tiền lãi phát sinh từ ngày 18/02/2023 cho đến khi trả dứt nợ theo lãi suất quy định tại Hợp đồng tín dụng số 00566-01054 ngày 20/8/2019. Trong trường hợp ông Q không trả được nợ, đề nghị phát mãi tài sản bảo đảm là sạp số C3, nhà lồng 2, chợ H2 để thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng đã ký kết. Trường hợp sau khi xử lý tài sản đảm bảo mà không đủ trả nợ thì ông Q có trách nhiệm tiếp tục thanh toán số tiền còn thiếu.

Tại bản tự khai người đại diện theo ủy quyền của Ban Quản lý chợ H2 là bà Trần Thị Yến G trình bày:

Nhà lồng 2 - Chợ H2 được Ủy ban nhân dân huyện đầu tư xây dựng, giao Ban Quản lý chợ H2 quản lý. Sạp C3 – nhà lồng 2 trước đây do bà Nguyễn Thị Xuân Quí thuê sử dụng để kinh doanh. Đến tháng 8 năm 2017, bà Nguyễn Thị Xuân Quí sang sạp C3 cho ông Trần N. Q sử dụng kinh doanh. Thời điểm trước đây Ban Quản lý chợ đã ký Hợp đồng liên kết với S (do Trưởng Ban Quản lý chợ H2 ở từng thời điểm đứng tên ký hợp đồng). Năm 2017, bà Huỳnh Thị Kim Cương - Nguyên Trưởng Ban Quản lý chợ H2 nghỉ việc theo nguyện vọng. Bà Trần Thị Yến Ngọc, Phó Trưởng Ban Quản lý chợ H2 được Ủy ban nhân dân huyện phân công tạm thời quản lý, điều hành hoạt động Ban Quản lý chợ H2. Do đó, Ban Quản lý chợ đã ký lại Hợp đồng liên kết với S

– Chi nhánh Quận 12; hợp đồng này cũng như các hợp đồng Ban Quản lý chợ H2 ký kết trước đây đều được áp dụng cho tất cả tiểu thương kinh doanh ở chợ H2. Hàng tháng, ông Q đã đóng phí chợ đầy đủ. Thời gian qua, trên cơ sở nhu cầu của tiểu thương và việc liên hệ giới thiệu của cán bộ tín dụng S, các trường hợp tiểu thương có nhu cầu vay vốn, Ban Quản lý chợ H2 đã thực hiện xác nhận nguồn gốc sạp kios của tiểu thương, xác nhận hồ sơ để tiểu thương và cán bộ tín dụng hoàn tất hồ sơ vay vốn; vận động tiểu thương thực hiện hoàn trả vốn, lãi cho Ngân hàng; việc thu hồi tiền vốn, lãi do cán bộ tín dụng thuộc S thu trực tiếp từ tiểu thương. Ban Quản lý chợ H2 đã thực hiện đầy đủ các điều khoản theo Hợp đồng liên kết với S. Đối với các trường hợp chậm hoàn trả vốn, lãi, Ban Quản lý chợ đã thực hiện vận động tiểu thương thực hiện hoàn trả vốn, lãi cho ngân hàng, phối hợp với S làm việc với tiểu thương để tìm cách giải quyết cho phù hợp. Do sạp C3 không thể thực hiện chuyển nhượng quyền sử dụng sạp cho người khác, vì vậy, Ban Quản lý chợ H2 đề nghị Tòa án nhân dân huyện H xem xét tài sản khác của ông Trần N. Q đang sở hữu để thực việc thanh toán nợ.

Bị đơn: Ông Trần N. Q có người đại diện theo ủy quyền là ông Trần Văn T đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án nhưng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, phía bị đơn vắng mặt không lý do, nguyên đơn đề nghị không tiến hành hòa giải thêm nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu ông Trần N. Q phải thanh toán ngay cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần T số tiền còn nợ tạm tính đến ngày 10/4/2023, tổng cộng là 123.999.894 đồng, trong đó: nợ gốc là 55.724.000 đồng, nợ lãi là 68.275.894 đồng, yêu cầu ông Q phải trả cho Ngân hàng tiền lãi phát sinh kể từ ngày 11/4/2023 cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ theo lãi suất quy định tại hợp đồng tín dụng số 00566-01054 ngày 20/8/2019, yêu cầu trả một lần toàn bộ số tiền nêu trên ngay khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật. Trong trường hợp ông Q không trả được nợ, đề nghị phát mãi tài sản bảo đảm là sạp số C3, nhà lồng 2, chợ H2 để thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng đã ký kết. Trường hợp sau khi xử lý tài sản bảo đảm mà không đủ trả nợ thì ông Q có trách nhiệm tiếp tục thanh toán số tiền còn thiếu.

Bị đơn không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn xác nhận có nhận số tiền 200.000.000 đồng, nhưng bị đơn nhận tiền tại Ban Quản lý chợ H2 nên bị đơn chỉ biết Ban Quản lý chợ H2 thôi, bị đơn không tiếp tục thanh toán khoản tiền vay vì từ khi dịch bệnh tình hình kinh doanh khó khăn, bị đơn cho rằng cá nhân bị đơn không có khoản vay nào với Ngân hàng Thương mại Cổ phần T bằng chứng là bị đơn đã nhiều lần gọi điện và đến trụ sở Ngân hàng Thương mại Cổ phần T và đều được trả lời rằng không tìm ra khoản vay đứng tên ông tại Ngân hàng, ông đề nghị Tòa án xác minh nội dung ghi âm các cuộc gọi, các buổi làm việc này; về hợp đồng tín dụng và giấy đề nghị vay vốn kiêm phê duyệt cấp tín dụng, bị đơn không đề nghị Tòa án giám định chữ ký.

Ban Quản lý chợ H2 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày và tranh luận của các bên đương sự tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ngân hàng Thương mại Cổ phần T khởi kiện yêu cầu ông Trần N. Q trả nợ, ông Q có đăng ký hộ kinh doanh và cư trú tại huyện H, căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tụng dân sự, xác định đây là vụ án kinh doanh thương mại, tranh chấp về hợp đồng tín dụng, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H.

[1.2] Về việc vắng mặt tại phiên tòa: Người đại diện theo ủy quyền của Ban Quản lý chợ H2 là bà Trần Thị Yến G có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt Ban quản lý chợ H2.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét yêu cầu buộc ông Trần N. Q phải thanh toán ngay cho Ngân hàng số tiền còn nợ tạm tính đến ngày 10/4/2023 là 123.999.894 đồng và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 11/4/2023 cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ theo lãi suất quy định tại hợp đồng tín dụng.

Căn cứ nội dung Hợp đồng tín dụng số 00566-01054 ngày 20/8/2019, giấy đề nghị vay vốn kiêm phê duyệt cấp tín dụng ngày 07/8/2019, nội dung xác nhận đã nhận đầy đủ số tiền 200.000.000 đồng và tại phiên tòa ông Q cũng xác định có nhận 200.000.000 đồng tại Ban Quản lý chợ H2, đủ cơ sở xác định Ngân hàng Thương mại Cổ phần T có cho ông Trần N. Q vay số tiền 200.000.000 đồng. Thỏa thuận về lãi suất của các bên tại hợp đồng tín dụng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng đến ngày 02/3/2020 ông Q vi phạm nghĩa vụ trả nợ, việc nguyên đơn yêu cầu ông Q phải trả ngay một lần số tiền còn nợ theo Hợp đồng tín dụng tạm tính đến ngày 10/4/2023, tổng cộng là 123.999.894 đồng và phải tiếp tục trả cho Ngân hàng tiền lãi phát sinh kể từ ngày 11/4/2023 cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ theo lãi suất quy định tại hợp đồng tín dụng số 00566-01054 ngày 20/8/2019 là phù hợp với quy định tại các Điều 280, 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 và các Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, nên có căn cứ chấp nhận.

[2.2] Về việc đề nghị Tòa án thu thập chứng cứ, xác minh nội dung ghi âm các cuộc gọi và các buổi làm việc của bị đơn với nhân viên Ngân hàng Thương mại Cổ phần T.

Xét nguyên đơn cung cấp hợp đồng tín dụng, giấy đề nghị vay vốn kiêm phê duyệt cấp tín dụng, nội dung xác nhận đã nhận đủ tiền đều có chữ ký ông Trần N. Q để khởi kiện ông Q, tại phiên tòa ông Q không phủ nhận các tài liệu này và không đề nghị giám định chữ ký trong các tài liệu này. Mặc dù không thừa nhận vay tiền nhưng ông Q lại thừa nhận có nhận 200.000.000 đồng tại Ban Quản lý chợ H2. Ngoài ra, bị đơn đã nhận được thông báo thụ lý vụ án từ ngày 15/11/2022, việc bị đơn dựa vào trả lời của các cá nhân không có thẩm quyền, không được ủy quyền hợp lệ (lần cuối là ngày 18/11/2022) để xác định bản thân không có khoản vay tại Ngân hàng là không có căn cứ hợp pháp, do đó Hội đồng xét xử không chấp nhận đơn đề nghị Tòa án thu thập chứng cứ của bị đơn.

[2.3] Về thời hạn, phương thức thanh toán: Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán đã lâu nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán một lần số tiền ngay sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.4] Xét yêu cầu phát mãi tài sản bảo đảm là Sạp số C3, nhà lồng 2, chợ H2 mà Ngân hàng và ông Q thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng.

Việc thỏa thuận về biện pháp bảo đảm tiền vay của tổ chức tín dụng với khách hàng phải phù hợp với quy định của pháp luật về biện pháp bảo đảm và pháp luật có liên quan, tuy nhiên Sạp số C3 đang thuộc quyền quản lý của Ban quản lý chợ H2, ông Q chỉ là tiểu thương thuê sạp để kinh doanh, trả tiền thuê hàng tháng và Ban Quản lý chợ H2 không đồng ý việc phát mãi, xử lý tài sản này, hợp đồng liên kết giữa Ngân hàng và Ban Quản lý chợ H2 không phải là một hợp đồng thế chấp. Do thỏa thuận của các bên là không phù hợp với quy định tại các Điều 295, 298 và 317 Bộ luật dân sự năm 2015, nên Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận phần yêu cầu này của nguyên đơn.

[3] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Do Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn nên bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn được hoàn lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 273, Khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 280, 295, 298, 317, 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Áp dụng Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Áp dụng Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Áp dụng Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần T.

Buộc ông Trần N. Q phải thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần T số tiền còn nợ tạm tính đến 10/4/2023 là 123.999.894 (một trăm hai mươi ba triệu chín trăm chín mươi chín nghìn tám trăm chín mươi bốn) đồng, bao gồm nợ gốc là 55.724.000 (năm mươi năm triệu bảy trăm hai mươi bốn nghìn) đồng, nợ lãi là 68.275.894 (sáu mươi tám triệu hai trăm bảy mươi lăm nghìn tám trăm chín mươi bốn) đồng.

Kể từ ngày 11/4/2023 cho đến khi thi hành án xong, Ông Trần N. Q còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 00566-01054 ngày 20/8/2019.

Phương thức và thời hạn trả: Trả một lần toàn bộ số tiền trên ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Không chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng Thương mại Cổ phần T về việc trường hợp ông Trần N. Q không trả được nợ, yêu cầu phát mãi tài sản bảo đảm là sạp số C3, nhà lồng 2, chợ H2 để thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

3. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Ông Trần N. Q phải chịu 6.199.995 (sáu triệu một trăm chín mươi chín nghìn chín trăm chín mươi lăm) đồng. Hoàn lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần T 1.832.175 (một triệu tám trăm ba mươi hai nghìn một trăm bảy mươi lăm) đồng tiền tạm ứng án phí do Ngân hàng Thương mại Cổ phần T đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0015005 ngày 11/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, Thành phố M.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND TP.HCM;
- VKSND huyện H, TP. HCM;
- Chi cục THADS huyện H, TP. HCM;
- Lưu: Hồ sơ, VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trịnh Thị Oanh